

Số: 63/NQ-HĐND

Long Hồ, ngày 19 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh điểm a và b khoản 2 Điều 1,
Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 18/7/2019
về phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách
huyện Long Hồ năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp lần thứ chín thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách huyện Long Hồ năm 2018;

Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND, ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc xin điều chỉnh quyết toán thu, chi ngân sách huyện Long Hồ năm 2018 và Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế xã hội; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh quyết toán thu, chi ngân sách huyện năm 2018 như sau:

1. Tại Điều 1, khoản 2, điểm a và b, của Nghị quyết 55/NQ-HĐND, thống nhất điều chỉnh như sau:

a) Chi đầu tư phát triển: Theo Nghị quyết là **160.465.363.859** đồng, điều chỉnh lại: **146.965.439.866** đồng, giảm **13.499.923.993** đồng.

b) Chi thường xuyên: Theo Nghị quyết là **412.188.050.772** đồng, điều chỉnh lại: **425.687.974.765** đồng, tăng **13.499.923.993** đồng.

2. Các nội dung khác giữ nguyên, không thay đổi

(Kèm theo Phụ lục Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2018)

Điều 2. Giao UBND huyện chịu trách nhiệm hoàn thành các thủ tục quyết toán thu, chi ngân sách huyện 2018 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp lần thứ mười thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2019 và niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh; *He*
- UBND tỉnh;
- Trung Tâm Công báo tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- CT, các PCTUBND huyện;
- Ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, NC;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Minh

PHỤ LỤC QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HND ngày 19 tháng 12 năm 2019)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN NĂM 2018		CHÊNH LỆCH
		THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 55/NQ-HĐND	ĐIỀU CHỈNH	
	Chi ngân sách địa phương	738,458,853,882	738,458,853,882	0
I	Chi đầu tư phát triển	160,465,363,859	146,965,439,866	-13,499,923,993
I.1	Vốn xây dựng cơ bản tính giao	16,636,319,795	13,136,395,802	-3,499,923,993
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	8,455,978,545	8,455,978,545	0
2	Nguồn vốn sử dụng đất	4,680,417,257	4,680,417,257	0
3	Trích 20% duy tu sc CT..in GCN QSDĐ	3,499,923,993	0	-3,499,923,993
1.2	Vốn khác, ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu	143,829,044,064	133,829,044,064	-10,000,000,000
1	Vốn khác (vốn đò, chuyển nguồn, kết dư)	39,461,267,723	39,461,267,723	0
2	Ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu	55,652,654,211	55,652,654,211	0
3	Nguồn HĐĐG tự nguyện; HĐĐG của Đài PTTT; khen thưởng, chuyển nguồn, kết dư ngân sách xã	38,715,122,130	38,715,122,130	0
4	Nguồn 10% XSKT (SN mang tính chất XDCB)	10,000,000,000	0	-10,000,000,000
II	Chi thường xuyên	412,188,050,772	425,687,974,765	13,499,923,993
1	Sự nghiệp kinh tế	25,553,828,243	39,053,752,236	13,499,923,993
	Sự nghiệp nông nghiệp	2,936,941,148	2,936,941,148	0
	Sự nghiệp giao thông	8,294,770,049	8,294,770,049	0
	Sự nghiệp thủy lợi	5,601,924,891	5,601,924,891	0
	Sự nghiệp kinh tế khác (Sự nghiệp môi trường 626)	1,530,891,000	1,530,891,000	0
	Sự nghiệp kiến thiết thi chính	7,189,301,155	7,189,301,155	0
	Trích 20% duy tu sửa chữa CT ..in GCN QSDĐ		3,499,923,993	3,499,923,993
	Nguồn 10% XSKT (SN mang tính chất XDCB)		10,000,000,000	10,000,000,000
2	Sự nghiệp văn xã	266,923,884,651	266,923,884,651	0
	Sự nghiệp đào tạo	524,225,500	524,225,500	0
	Đào tạo nghệ	1,925,883,558	1,925,883,558	0
	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1,298,512,229	1,298,512,229	0
	Sự nghiệp xã hội	57,632,584,169	57,632,584,169	0
	Sự nghiệp VH TT (bao gồm hoạt động VT)	1,103,141,739	1,103,141,739	0
	Sự nghiệp thể dục thể thao	585,228,074	585,228,074	0
	Sự nghiệp Phát thanh truyền hình	1,137,902,000	1,137,902,000	0
	Sự nghiệp khoa học công nghệ	212,173,000	212,173,000	0
	Sự nghiệp môi trường	2,821,658,912	2,821,658,912	0
	Sự nghiệp giáo dục	199,407,491,470	199,407,491,470	0
	Sự nghiệp Lưu trữ	225,084,000	225,084,000	0
	Sự nghiệp Y tế	50,000,000	50,000,000	0
3	Chi quản lý HC	27,570,410,575	27,570,410,575	0
	Quản lý nhà nước	15,339,402,971	15,339,402,971	0
	Quản lý khối đảng	7,646,506,440	7,646,506,440	0
	Quản lý khối đoàn thể	4,584,501,164	4,584,501,164	0
4	Chi An ninh-Quốc phòng	6,337,904,770	6,337,904,770	0
	Chi an ninh	739,938,470	739,938,470	0
	Chi quốc phòng	5,597,966,300	5,597,966,300	0
5	Chi khác của ngân sách	259,430,600	259,430,600	0
6	Chi ngân sách xã	85,542,591,933	85,542,591,933	0
III	Chi chuyển nguồn	94,482,250,551	94,482,250,551	0
IV	Dự phòng	0	0	0
V	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	71,137,911,700	71,137,911,700	0
	- Bổ sung mục tiêu	18,407,911,700	18,407,911,700	0
	- Bổ sung cân đối	52,730,000,000	52,730,000,000	0
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên	185,277,000	185,277,000	0